

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện

Trụ sở chính: Số 95 Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 41A GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/02/2007.

Mã số thuế: 0100774631

II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM HỌP

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện được tổ chức vào 09h00 ngày 24/4/2024 tại Toà nhà số 95 Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI

Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2024 ("Đại hội") gồm các nội dung chính sau đây:

- Trình ĐHĐCĐ báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và của từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, đánh giá kết quả hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên;
- Trình ĐHĐCĐ các nội dung về: Báo cáo tài chính ("BCTC") năm 2023 đã kiểm toán; mức cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2023; lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2024; chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban điều hành;
- Trình ĐHĐCĐ về chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty;
- Trình ĐHĐCĐ về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Trình ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT/ BKS nhiệm kỳ 2020-2025;
- Trình ĐHĐCĐ về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty;
- Đại hội thảo luận đóng góp ý kiến và thực hiện biểu quyết;
- Công bố kết quả kiểm phiếu;
- Thông qua Biên bản họp Đại hội.



IV. DIỄN BIẾN VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA CUỘC HỌP

1. Báo cáo kết quả đăng ký cổ đông dự họp:

Ông Ngô Quý Hiệp – thay mặt Ban tổ chức Đại hội báo cáo kết quả kiểm tra và đăng ký cổ đông dự họp Đại hội như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty tính đến ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội là **80.395.709** cổ phần.
- Tại thời điểm bắt đầu khai mạc đại hội, tổng số cổ đông tham dự họp Đại hội đại diện cho 71.082.135 cổ phần, chiếm tỷ lệ 88,42% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty.
- Tổng số cổ đông không tham dự họp đại diện cho 9.313.574 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,58% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty.

Căn cứ theo Điều 145 của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 19 Điều lệ Tổng Công ty, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện đã đủ điều kiện tiến hành.

2. Chủ tọa và thành viên đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội gồm:

- Bà Phạm Minh Hương - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội
- Bà Hoàng Thị Yến - Tổng Giám đốc - Thành viên đoàn Chủ tịch
- Bà Nguyễn Thị Hà Ninh - Trưởng Ban kiểm soát - Thành viên đoàn Chủ tịch

3. Thư ký Đại hội:

Chủ tọa Đại hội đã chỉ định ông Vũ Xuân Minh làm Thư ký Đại hội.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Thư ký đại hội như nêu trên với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Ban kiểm phiếu của Đại hội:

Ban kiểm phiếu của Đại hội bao gồm các thành viên:

- Bà Hoàng Minh Trang – Trưởng ban
- Bà Dương Thị Phương Liên – Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Thành viên

Đại hội đã biểu quyết thông qua thành phần Ban kiểm phiếu nêu trên với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

5. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội:

Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức Đại hội (Phụ lục 1 đính kèm Biên bản này) với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

6. Thông qua nội dung Chương trình họp Đại hội:

Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình họp ĐHCĐ (Phụ lục 1 đính kèm Biên bản này) với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

7. Trình bày các Báo cáo và Tờ trình về các vấn đề xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội:

- Bà Phạm Minh Hương – Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo của HĐQT và kết quả hoạt động năm 2023 của HĐQT và từng thành viên HĐQT.
- Bà Hoàng Thị Yến – Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tổng Công ty.

- Bà Nguyễn Thị Hà Ninh – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát đánh giá về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT và Ban điều hành, đánh giá kết quả hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- Ông Lê Xuân Bách – Kế Toán trưởng trình bày Tờ trình các nội dung về: BCTC năm 2023 đã được kiểm toán; mức cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2023; lựa chọn tổ chức kiểm toán và soát xét BCTC năm 2024; chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban điều hành;
- Ông Điều Ngọc Tuấn – Giám đốc quản trị hoạt động công ty trình bày tờ trình ĐHĐCĐ về chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty; tờ trình ĐHĐCĐ về phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu; và tờ trình ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2020-2025.
- Ông Điều Ngọc Tuấn – Giám đốc quản trị hoạt động công ty trình bày Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty.

8. Các ý kiến phát biểu tại Đại hội

Tại Đại hội, các cổ đông đã tham gia ý kiến về các nội dung liên quan đến:

Về hoạt động đầu tư của PTI; Về vấn đề cổ đông DB mua cổ phần sở hữu tại 02 Công ty bảo hiểm (VNI và BSH); Về vấn đề phân phối lợi nhuận năm 2023; Hoạt động vay tiền của PTI, kế hoạch kinh doanh và định hướng phát triển năm 2024 của PTI.

Chủ tịch HĐQT – bà Phạm Minh Hương, Tổng Giám đốc – bà Hoàng Thị Yến đã trả lời các câu hỏi, trao đổi thông tin và giải đáp cho các cổ đông về vấn đề có liên quan nêu trên.

V. TỔNG SỐ PHIẾU BIỂU QUYẾT ĐỐI VỚI TỪNG VẤN ĐỀ

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2. Báo cáo của Ban điều hành về Kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tổng Công ty

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, đánh giá kết quả hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

4. Báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng Công ty đã được kiểm toán

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

5. Mức cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2023

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 44.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 59,8144 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 30.000.000 phiếu, chiếm tỷ lệ 40,1856 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2024

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

7. Chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tiền lương của Ban điều hành

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

8. Chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 41.097.372 phiếu, chiếm tỷ lệ 55,05 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 33.556.224 phiếu, chiếm tỷ lệ 44,95 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

9. Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty

9.1. Phương án về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty với tỷ lệ phát hành 1:1

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 44.650.114 phiếu, chiếm tỷ lệ 59,8097 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 30.000.000 phiếu, chiếm tỷ lệ 40,1856 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 3.482 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,0047 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

9.2. Phương án về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty với tỷ lệ phát hành 2:1

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.650.114 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,9953 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 3.482 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,0047 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

10. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Bà Vũ Nam Hương

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.143 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,9994 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 453 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,0006 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

11. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Ông Jung Young

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

12. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Ông Mai Xuân Dũng

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.143 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,9994 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 453 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,0006 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

13. Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát: Ông Lee Tae Hun

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

14. Sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại Điều lệ Tổng Công ty có nội dung liên quan thông tin thực tế hiện nay của Tổng Công ty: thời hạn hoạt động, địa chỉ trụ sở và các thông tin khác

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

15. Sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại Điều lệ Tổng Công ty có nội dung liên quan đến cổ phần, cổ phiếu của Tổng Công ty

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

16. Sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại Điều lệ Tổng Công ty có nội dung liên quan đến quy định về Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

17. Sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại Điều lệ Tổng Công ty có nội dung liên quan đến trích dẫn các văn bản đã hết hiệu lực pháp luật

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

18. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục của Điều lệ Tổng Công ty

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

19. Thông qua việc Sửa đổi, bổ sung các nội dung khác tại Điều lệ Tổng Công ty

Tổng số phiếu biểu quyết: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu hợp lệ: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu tán thành: 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

20. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty

Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 (theo phương thức bầu dồn phiếu) với kết quả biểu quyết như sau:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Số phiếu bầu
1	Nguyễn Thị Hiền		140.721.842
2	Lee Kang Jin		33.558.670
3	Nguyễn Anh Đức		49.668.881

21. Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty

Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 (theo phương thức bầu dồn phiếu) với kết quả biểu quyết như sau:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Số phiếu bầu
1	Yang Young Un		33.559.921

VI. CÁC QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (“Đại hội”) đã thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị (Nội dung cụ thể của Báo cáo được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm Biên bản này).

Quyết định này được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

2. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về Kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tổng Công ty

Đại hội đã thông qua Báo cáo của Ban điều hành về Kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tổng Công ty (Nội dung cụ thể của Báo cáo được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm Biên bản này).

Quyết định này được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, đánh giá kết quả hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên

Đại hội đã thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, đánh giá kết quả hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên (Nội dung cụ thể của Báo cáo được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm Biên bản này).

Quyết định này được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng Công ty đã được kiểm toán

Đại hội đã thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Tổng Công ty do Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán.

Quyết định này được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

5. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2024

Đại hội thông qua việc lựa chọn thuê một trong các công ty kiểm toán có tên dưới đây là tổ chức kiểm toán được chấp thuận để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty năm 2024: (i) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; (ii) Công ty TNHH KPMG; (iii) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thẩm tra, đàm phán, quyết định lựa chọn một trong các Công ty nêu trên để ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng Công ty.

Quyết định này được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

6. Thông qua việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương của Ban điều hành

Đại hội đã thông qua việc trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và tiền lương của Ban điều hành với các nội dung cụ thể nêu tại Phụ lục 2 đính kèm Biên bản này.

Quyết định này được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

7. Thông qua về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty

Đại hội đã thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty với các nội dung cụ thể nêu tại Phụ lục 3 đính kèm Biên bản này.

Quyết định này được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.650.114 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,9953 % trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

8. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT kể từ ngày 24/4/2024 đối với các ông/bà sau đây:

- Bà Vũ Nam Hương (CCCD số): Được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.143 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,9994% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Ông Jung Young (Hộ chiếu số): Được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Ông Mai Xuân Dũng (CCCD số): Được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.143 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,9994% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 24/4/2024 đối với Ông Lee Tae Hun (Hộ chiếu số): Được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

9. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng Công ty

Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 (theo phương thức bầu dồn phiếu) với kết quả biểu quyết như sau:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Số phiếu bầu
1	Nguyễn Thị Hiền		140.721.842
2	Lee Kang Jin		33.558.670
3	Nguyễn Anh Đức		49.668.881

Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 (theo phương thức bầu dồn phiếu) với kết quả biểu quyết như sau:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Số phiếu bầu
1	Yang Young Un		33.559.921

10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty

Đại hội đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Điều lệ Tổng Công ty theo Tờ trình của HĐQT đã trình bày tại Đại hội (Nội dung cụ thể của Tờ trình được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm Biên bản này), cụ thể gồm:

- Đại hội đã thông qua việc Sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại Điều lệ Tổng Công ty có nội dung liên quan thông tin thực tế hiện nay của Tổng Công ty: thời hạn hoạt động, địa chỉ trụ sở và các thông tin khác theo Tờ trình của HĐQT đã trình bày tại Đại hội: *Được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- Đại hội đã thông qua việc Sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại Điều lệ Tổng Công ty có nội dung liên quan đến cổ phần, cổ phiếu của Tổng Công ty: *Được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- Đại hội đã thông qua việc Sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại Điều lệ Tổng Công ty có nội dung liên quan đến quy định về Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty: *Được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- Đại hội đã thông qua việc Sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại Điều lệ Tổng Công ty có nội dung liên quan đến trích dẫn các văn bản đã hết hiệu lực pháp luật: *Được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- Đại hội đã thông qua việc Sửa đổi, bổ sung Phụ lục của Điều lệ Tổng Công ty: *Được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- Đại hội đã thông qua việc Sửa đổi, bổ sung các nội dung khác tại Điều lệ Tổng Công ty theo Tờ trình của HĐQT đã trình bày tại Đại hội: *Được Đại hội thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là 74.653.596 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*

Điều lệ mới (sau khi sửa đổi, bổ sung) được nêu tại Phụ lục 4 đính kèm theo Biên bản này. Điều lệ mới (sau khi được sửa đổi, bổ sung) được ký bởi người đại diện theo pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

VI. THÔNG QUA BIÊN BẢN HỌP VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Biên bản này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện thông qua toàn văn tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Căn cứ vào Biên bản này, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty có trách nhiệm thay mặt Đại hội đồng cổ đông ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty và thông báo tới các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội cam kết liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của Biên bản này. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty kết thúc vào 12h00' cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Vũ Xuân Minh

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Phạm Minh Hương



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện ngày 24/04/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (“Đại hội”) đã thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (“HDQT”) về quản trị và kết quả hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị (Nội dung cụ thể của Báo cáo được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm Nghị quyết này).

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về Kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tổng Công ty

Đại hội đã thông qua Báo cáo của Ban điều hành về Kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tổng Công ty (Nội dung cụ thể của Báo cáo được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm Nghị quyết này).

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, đánh giá kết quả hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên

Đại hội đã thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát (“BKS”) về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, đánh giá kết quả hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên (Nội dung cụ thể của Báo cáo được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm Nghị quyết này).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng Công ty đã được kiểm toán

Đại hội đã thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Tổng Công ty do Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán.

Điều 5. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2024

Đại hội thông qua việc lựa chọn thuê một trong các công ty kiểm toán có tên dưới đây là tổ chức kiểm toán được chấp thuận để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty năm 2024:



(i) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; (ii) Công ty TNHH KPMG; (iii) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thẩm tra, đàm phán, quyết định lựa chọn một trong các công ty nêu trên để ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng Công ty.

Điều 6. Thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và tiền lương của Ban điều hành

Đại hội đã thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và tiền lương của Ban điều hành với nội dung cụ thể nêu tại Phụ lục 2 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 7. Thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty

Đại hội đã thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty với các nội dung nêu tại Phụ lục 3 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 8. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

- Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT kể từ ngày 24/4/2024 đối với các Ông/Bà sau đây:
 - Bà Vũ Nam Hương (CCCD số _____);
 - Ông Jung Young (Hộ chiếu số _____);
 - Ông Mai Xuân Dũng (CCCD số _____).
- Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 24/4/2024 đối với Ông Lee Tae Hun (Hộ chiếu số _____).

Điều 9. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 như sau:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu	Tổng số phiếu bầu
1	Nguyễn Thị Hiền		140.721.842
2	Lee Kang Jin		33.558.670
3	Nguyễn Anh Đức		49.668.881

- Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 như sau:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu	Tổng số phiếu bầu
1	Yang Young Un		33.559.921

Điều 10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng Công ty

Đại hội đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng Công ty theo Tờ trình của HĐQT đã trình bày tại Đại hội. Nội dung cụ thể của Tờ trình được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm Nghị quyết này.


Điều lệ mới (sau khi sửa đổi, bổ sung) được nêu tại Phụ lục 4 kèm theo Nghị quyết này. Điều lệ mới (sau khi được sửa đổi, bổ sung) được ký bởi người đại diện theo pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

ĐẠI HỌ
TỔNG
CÔNG TY
CỔ ĐÔNG
HÀNG
KHOA
LỮU Đ
GIẤY

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Các quyết định và nội dung nêu tại Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 





PHỤ LỤC 1

CÁC BÁO CÁO/TỜ TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC TRÌNH TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

[Handwritten signature]



CHƯƠNG TRÌNH HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Thời gian họp: 09h00, Thứ tư, ngày 24 tháng 04 năm 2024

Địa điểm họp: Trụ sở chính của Công ty, Tòa nhà Số 95 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

STT	Nội dung	Thời gian
1	Đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ	9h00-9h20
2	Khai mạc ĐHĐCĐ	9h20-9h30
-	Báo cáo kết quả đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ	
-	Giới thiệu Chủ tọa/Đoàn chủ tịch, Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ	
-	Bầu Ban kiểm phiếu của ĐHĐCĐ	
-	Giới thiệu Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ	
-	Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ	
3	Trình ĐHĐCĐ báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị	9h30-9h40
4	Trình ĐHĐCĐ báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024	9h40-9h50
5	Trình ĐHĐCĐ báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, đánh giá kết quả hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên	9h50-10h00
6	Trình ĐHĐCĐ các nội dung về: BCTC năm 2023 đã kiểm toán; mức cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2023; lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2024; chỉ trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và lương của Ban điều hành;	10h00-10h10
7	Tờ trình về việc chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty	10h10-10h15
8	Tờ trình về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu	10h15-10h20
9	Trình ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị/BKS nhiệm kỳ 2020-2025	10h20-10h25
10	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty	10h30-10h35
11	ĐHĐCĐ thảo luận	10h35-11h00
12	ĐHĐCĐ thực hiện biểu quyết	11h00-11h10
13	Kiểm phiếu biểu quyết và công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết	11h10-11h20
14	Công bố Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ	11h20-11h30

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2024

**QUY CHẾ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện, việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông năm 2024 (“ĐHĐCĐ”) của Công ty được tiến hành theo Quy chế này với những quy định cụ thể sau đây:

Điều 1. Dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ là cổ đông có tên trong danh sách cổ đông do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.
2. Hình thức dự họp:
Cổ đông có thể tham dự họp theo một trong các hình thức sau đây:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (mẫu giấy ủy quyền tải về từ địa chỉ <https://www.pti.com.vn/thong-tin-co-dong/dai-hoi-co-dong>);
 - Tham dự và biểu quyết trực tuyến hoặc bỏ phiếu điện tử.
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
3. Cổ đông hoặc người được Cổ đông ủy quyền (sau đây gọi chung là Cổ đông) có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ.
4. Khi tham dự họp ĐHĐCĐ, Cổ đông sẽ có số phiếu biểu quyết, phiếu bầu tương ứng với số cổ phần mà Cổ đông sở hữu.
5. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền tham gia và quyền biểu quyết ngay sau khi được xác nhận tham dự họp. Trường hợp này Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp ĐHĐCĐ để cho Cổ đông đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi và không bị ảnh hưởng.
6. Cổ đông phải nghiêm túc chấp hành quy chế và nội quy tại cuộc họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả làm việc của ĐHĐCĐ và sự điều hành của Chủ tọa ĐHĐCĐ.

Điều 2. Ban tổ chức ĐHĐCĐ

1. Ban tổ chức ĐHĐCĐ do HĐQT Công ty chỉ định. Ban tổ chức ĐHĐCĐ có trách nhiệm thực hiện các công việc cần thiết cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ.
2. Ban tổ chức ĐHĐCĐ có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp và báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả đăng ký các cổ đông dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp người đến dự họp không đủ tư cách tham dự họp ĐHĐCĐ thì Ban tổ chức có quyền từ chối việc đăng ký dự họp của cổ đông đó.

Điều 3. Chủ tọa, Thư ký ĐHĐCĐ.

1. Chủ tọa ĐHĐCĐ là Chủ tịch HĐQT. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông dự họp.

2. Thư ký ĐHĐCĐ do Chủ tọa đề cử. Thư ký ĐHĐCĐ thực hiện các công việc hỗ trợ Chủ tọa trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ và lập Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 4. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu/biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.
2. Ban kiểm phiếu có quyền và nhiệm vụ: (i) hướng dẫn và giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, (ii) tổ chức thực hiện kiểm phiếu theo quy định, (iii) lập Biên bản kiểm phiếu.
3. Mọi công việc kiểm phiếu, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành một cách trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 5. Thủ tục tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
2. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ lần lượt được tiến hành theo nội dung chương trình của ĐHĐCĐ.
3. Việc thảo luận sẽ được thực hiện sau khi các báo cáo, tờ trình đã được trình bày tại ĐHĐCĐ.
4. Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong ĐHĐCĐ được thực hiện theo Điều lệ công ty và Quy chế này.

Điều 6. Biểu quyết

1. ĐHĐCĐ biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ.
Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua việc biểu quyết/bỏ phiếu điện tử hoặc bỏ phiếu tại cuộc họp.
2. Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong các phương án: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến đối với từng nội dung lấy ý kiến biểu quyết.
3. Biểu quyết:
 - Cổ đông sẽ thực hiện việc biểu quyết các vấn đề của cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức bỏ phiếu biểu quyết bằng gửi phiếu biểu quyết từ xa hoặc bỏ phiếu tại cuộc họp hoặc bỏ phiếu điện tử.
 - Đối với biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử thì các quy định sau đây được áp dụng:
 - + Cổ đông dự họp trực tuyến có thể biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử ngay sau khi đăng nhập thành công vào hệ thống biểu quyết của Công ty. Tên đăng nhập và mã xác minh để thực hiện bỏ phiếu điện tử được Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thông báo cho cổ đông sau khi cổ đông đăng ký họp ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
 - + Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tên đăng nhập và mã xác minh để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử dưới tên đăng nhập và mã xác minh của cổ đông sẽ được mặc nhiên ghi nhận là ý chí biểu quyết của cổ đông.
 - + Trong trường hợp cổ đông đã đăng nhập vào hệ thống để dự họp trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử nhưng chưa hoàn tất việc bỏ phiếu vì bất kỳ lý do nào, thì kết quả biểu quyết vẫn ghi nhận đối với các vấn đề mà Cổ đông đã bỏ phiếu. Các vấn đề chưa bỏ phiếu sẽ ghi nhận là Cổ đông tán thành với vấn đề đó. Cổ đông có thể liên hệ trực tiếp đến Công ty để được hỗ trợ bỏ phiếu bổ sung.
 - Thời gian bắt đầu và kết thúc việc biểu quyết được thực hiện theo sự điều hành của Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ.
4. Phiếu biểu quyết
 - Phiếu biểu quyết hợp lệ mới có giá trị để tính tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là: (i) Phiếu theo mẫu do Ban tổ chức ĐHĐCĐ gửi/phát cho các cổ đông có đầy đủ nội dung quy định; và (ii) Được cổ đông điền thông tin biểu quyết theo đúng quy định; (iii) Được cổ đông bỏ phiếu đúng nơi và đúng thời gian quy định.
Đối với việc biểu quyết điện tử thì Phiếu biểu quyết hợp lệ là Phiếu trên hệ thống biểu quyết điện tử của Công ty.
 - Các Phiếu biểu quyết được gửi đến Ban Tổ chức ĐHĐCĐ sau khi kết thúc thời gian biểu quyết đều được coi là Phiếu biểu quyết không hợp lệ.
5. Ban kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ và phiếu biểu quyết điện tử để tiến hành kiểm phiếu, thống kê kết quả biểu quyết và lập Biên bản kiểm phiếu.
 6. Thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ
 - 6.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
 - f) Sửa đổi bổ sung điều lệ.
 - 6.2. Các nghị quyết về nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 6.1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
 - 6.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định nêu tại Khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

Điều 7. Bầu thành viên HĐQT/BKS

1. Số lượng thành viên HĐQT là 09 thành viên, số lượng thành viên BKS là 05 thành viên. ĐHĐCĐ sẽ thực hiện bầu/thay đổi ba (03) thành viên Hội đồng quản trị và một (01) thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025.
2. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT/BKS và tiêu chuẩn ứng viên để bầu làm thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng viên làm thành viên HĐQT/BKS gồm: văn bản ứng cử hoặc đề cử ứng viên để bầu vào HĐQT/BKS; bản thông tin cá nhân/sơ yếu lý lịch do ứng viên khai theo mẫu quy định; bản sao Giấy CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực; Các tài liệu chứng minh ứng viên đáp ứng đủ các điều kiện làm thành viên HĐQT/BKS; và Văn bản lập nhóm cổ đông (nếu ứng viên được nhóm cổ đông đề cử). Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng viên bầu làm thành viên HĐQT/BKS phải được gửi đến Ban tổ chức ĐHĐCĐ trước ngày họp ĐHĐCĐ ít nhất 01 ngày. Hồ sơ ứng cử, đề cử gửi đến sau thời hạn nêu trên đều được coi là không hợp lệ.
3. Việc biểu quyết bầu một thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên HĐQT/BKS được bầu. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Số phiếu bầu cho mỗi ứng viên không bắt buộc phải bằng nhau. Cổ đông có thể chỉ sử dụng một phần trong tổng số phiếu bầu của


minh, số phiếu bầu còn lại có thể không bầu cho ứng viên nào. Tổng số phiếu bầu cho ứng viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó.
Người trúng cử/được bầu làm thành viên HĐQT/BKS được xác định theo tổng số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp. Trường hợp có nhiều hơn số lượng ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu cao như nhau cho thành viên HĐQT/Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau đó.

Điều 8. Phát biểu tại ĐHĐCĐ

- Việc phát biểu tại ĐHĐCĐ phải thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Cổ đông chỉ được tham gia phát biểu trong phần thảo luận của ĐHĐCĐ và/hoặc sau khi được Chủ tọa chấp thuận.
 - Chủ tọa có quyền từ chối hoặc cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu thấy cần thiết.
 - Các ý kiến đóng góp/chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp tuần tự sau.
- Các đề xuất của cổ đông phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - Ngắn gọn và rõ ràng.
 - Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước đó.
 - Không đề xuất các vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
 - Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, mang tính cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của ĐHĐCĐ.

Điều 9. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ

- Các nội dung chủ yếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký ĐHĐCĐ tổng hợp vào biên bản của ĐHĐCĐ. Biên bản ĐHĐCĐ và các nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua phải được công bố trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện sau khi được ĐHĐCĐ phê chuẩn thông qua thì sẽ có giá trị áp dụng đối với tất cả các hoạt động liên quan đến việc tổ chức họp ĐHĐCĐ năm 2024.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ 
CHỦ TỊCH HĐQT
TỔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM
BƯU ĐIỆN
Phạm Minh Hương



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính thưa: Quý Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị (HĐQT) được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Luật Doanh nghiệp, HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI) xin báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị như sau:

1. Báo cáo chung về hoạt động của HĐQT trong năm 2023

Trong năm 2023, HĐQT của PTI duy trì số lượng 09 thành viên. Trong đó, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 tại ngày 30/06/2023, ĐHCĐ Tổng Công ty đã miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Kim Kang Wook và bầu bổ sung ông Jung Young làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 thay ông Kim Kang Wook.

Ngoài 04 cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý, nhằm đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, HĐQT cũng tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT để thông qua Nghị quyết HĐQT theo phương thức gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản. Các Nghị quyết HĐQT đã ban hành được thống kê chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023.

Với sự thay đổi của nhiều chính sách pháp luật liên quan lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ trong năm 2023, Chủ tịch HĐQT cũng chỉ đạo các Bộ phận thực hiện rà soát, đề xuất ban hành, sửa đổi bổ sung các quy định, quy chế, quy trình nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản trị của Tổng Công ty, qua đó kiện toàn các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật mới. Bên cạnh đó, Chủ tịch HĐQT đã thành lập một số hội đồng/Ban chuyên trách để tư vấn, hỗ trợ công tác chuyên môn trong hoạt động quản trị nghiệp vụ, quản trị tổ chức của Tổng Công ty: Hội đồng sản phẩm bảo hiểm, Ban chuyển đổi tổ chức....

Trong hoạt động đầu tư, năm 2023 cũng là năm có nhiều chuyển biến tích cực trong hoạt động đầu tư của PTI. HĐQT đã có những quyết sách quan trọng liên quan đến việc thoái/chuyển nhượng các khoản đầu tư không mang lại nhiều hiệu quả của PTI. Song song với đó, HĐQT cũng tích cực cơ cấu lại các khoản đầu tư hiện tại và thực hiện thu hồi đối với những khoản đầu tư lỗi/không hiệu quả.

Tổng Công ty đã tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, kiểm soát chất lượng và hiệu quả công việc của nhân sự thông qua các nền tảng làm việc được áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT trong năm 2023

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện các công việc theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ của Tổng Công ty và các quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHCĐ) thường niên năm 2023 vào ngày 30/06/2023.

- Tổ chức, chỉ đạo thực hiện việc lập Báo cáo tài chính năm, Báo cáo quản trị, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính quý của Tổng Công ty theo đúng quy định.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT đã ban hành, thường xuyên kiểm tra các hoạt động trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành.
- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện báo cáo, công bố thông tin đảm bảo đầy đủ, kịp thời, tuân thủ quy định của pháp luật.
- Giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Ban Tổng Giám đốc cũng đã thực hiện báo cáo đầy đủ, kịp thời về tình hình kinh doanh và dự kiến kế hoạch quý tiếp theo tại các cuộc họp HĐQT.

HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành tại PTI, đảm bảo tuân thủ Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT, quy định/quy chế nội bộ, Điều lệ của Tổng Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật, đem lại hiệu quả kinh doanh tốt trong năm 2023.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT

Thù lao của từng thành viên HĐQT năm 2023 được trình bày cụ thể tại Tờ trình tổng hợp của HĐQT về thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và lương của Ban Điều hành.

4. Giao dịch giữa PTI với các bên liên quan

- Trình tự, thủ tục phê duyệt giao dịch giữa PTI với các bên liên quan được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của PTI.
- Các giao dịch giữa PTI với các bên liên quan do HĐQT phê duyệt được liệt kê tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023.

5. Hoạt động của các thành viên HĐQT

5.1. Hoạt động chung của các thành viên HĐQT

Năm 2023, các thành viên HĐQT đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, cho ý kiến/biểu quyết đối với các vấn đề được xin ý kiến.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và lợi ích của cổ đông. Nhìn chung, mỗi thành viên HĐQT đều đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, tuân thủ theo đúng quy định của Điều lệ, quy định pháp luật và phân công nhiệm vụ của HĐQT.

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT đã thực hiện tốt các quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định pháp luật, quy định nội bộ của PTI và các Nghị quyết của HĐQT, ĐHCĐ, chỉ đạo tốt Ban điều hành thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
- Các thành viên HĐQT không điều hành có đóng góp tích cực trong công tác tham mưu, đưa ra ý kiến cho Ban điều hành trong việc quản trị, điều hành các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ, quản trị tổ chức của Tổng Công ty;
- Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia đưa ý kiến và có đóng góp quan trọng trong việc tham mưu, thẩm định, ban hành các quy định, chính sách của Tổng Công ty cũng như tham gia vào các Hội đồng/Ủy ban theo phân công của HĐQT/Chủ tịch HĐQT.

Trong công tác quản trị tổ chức, các thành viên HĐQT, đặc biệt là Chủ tịch HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, định hướng để hoàn thiện Bản đồ chức năng nhiệm vụ (Function Map) của Tổng Công ty.

5.2. Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT

HDQT đã hoàn thành tốt việc thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý, đưa ra những quyết sách linh hoạt, kịp thời giúp giải quyết được những vấn đề phát sinh trước biến động của thị trường tài chính, bảo hiểm và đặc biệt là sự thay đổi của chính sách pháp luật.

Những quyết sách, chỉ đạo kịp thời của HDQT đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, kiểm soát rủi ro, hạn chế tổn thất, thiệt hại trong hoạt động đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của PTI trên thị trường.

6. Định hướng hoạt động của PTI năm 2024

6.1. Định hướng về mục tiêu quản trị tổ chức

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản trị điều hành của PTI để nâng cao năng lực tổ chức và năng lực định hướng và quản trị chiến lược cho mục tiêu phát triển kinh doanh trong tương lai.
- Kiện toàn quy trình quản trị kinh doanh, quy trình quản trị rủi ro, quy trình quản trị sản phẩm, quy trình quản trị nguồn nhân lực và quy trình vận hành theo chuỗi giá trị hướng tới Khách hàng, giám sát tuân thủ và công tác kiểm soát hiệu quả;
- Triển khai các kế hoạch huy động vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua để bổ sung năng lực nguồn vốn của Tổng Công ty;
- Tiếp tục đầu tư nền tảng công nghệ và số hóa để kiện toàn hạ tầng dữ liệu, ứng dụng khai thác và bán hàng, hệ thống công nghệ thông tin cho phép cung cấp dữ liệu kinh doanh và dữ liệu phục vụ công tác nghiên cứu và phát triển, quản trị rủi ro và quản lý hiệu suất lao động.

6.2. Định hướng hoạt động kinh doanh

- Tiếp tục giữ vững vị thế kinh doanh và thị phần doanh số về bảo hiểm xe cơ giới và bảo hiểm con người.
- Kiện toàn mô hình kinh doanh, xây dựng năng lực quản trị kênh phân phối theo mô hình khoán kinh doanh.
- Chuẩn hóa công tác tuyển dụng và đào tạo đội ngũ kênh bán, đáp ứng tiêu chuẩn và định vị kinh doanh của PTI.
- Kiện toàn danh mục sản phẩm bảo hiểm theo các phân khúc Khách hàng mục tiêu để thúc đẩy năng lực phát triển kênh bán trực tiếp, bổ sung thêm năng lực kênh bán theo mô hình khoán doanh số.
- Lựa chọn tiêu chí khách hàng mục tiêu phù hợp với năng lực và vị thế kinh doanh của PTI.
- Xây dựng và phát triển năng lực đội ngũ giám đốc khách hàng, năng lực quan hệ với các nhà tái, năng lực thâm định khách hàng.

6.3. Định hướng liên quan đến đầu tư tài chính

- Hoạt động đầu tư đảm bảo an toàn và hiệu quả, mang lại lợi nhuận bền vững;
- Tăng cường kiểm soát rủi ro và xử lý dứt điểm các khoản đầu tư không hiệu quả;

Căn cứ dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và điều kiện thị trường năm 2024, HDQT cùng Ban điều hành Công ty đã thống nhất đặt ra mục tiêu kinh doanh trong năm 2024 là:

Chỉ tiêu	Kế hoạch
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	5.353 tỷ đồng
Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	279,2 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế TNDN	220 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN	175 tỷ đồng

Nội dung cụ thể của kế hoạch kinh doanh năm 2024 được nêu cụ thể trong báo cáo Ban điều hành về hoạt động năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024.

Kính thưa Quý vị Cổ đông, trên đây là báo cáo của HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện, kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Thay mặt HĐQT, tôi xin kính chúc Đại hội thành công, chúc các Quý Cổ đông dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH HĐQT
TỔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM
BƯU ĐIỆN

Phạm Minh Hương

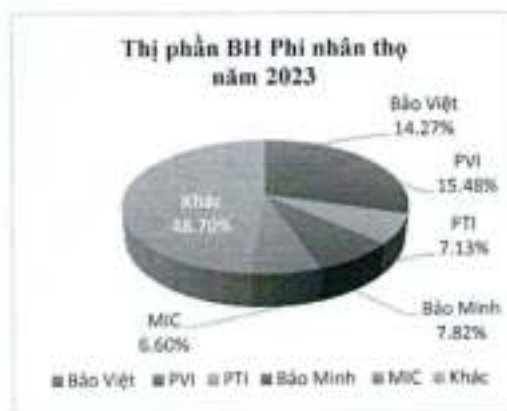
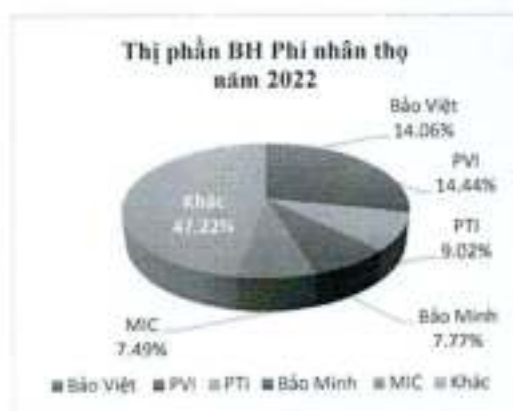
C. T. C. P.
PHẦN
M
N
P H A N H Ư O N G

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

1. Kết quả hoạt động năm 2023

1.1. Tình hình hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2023

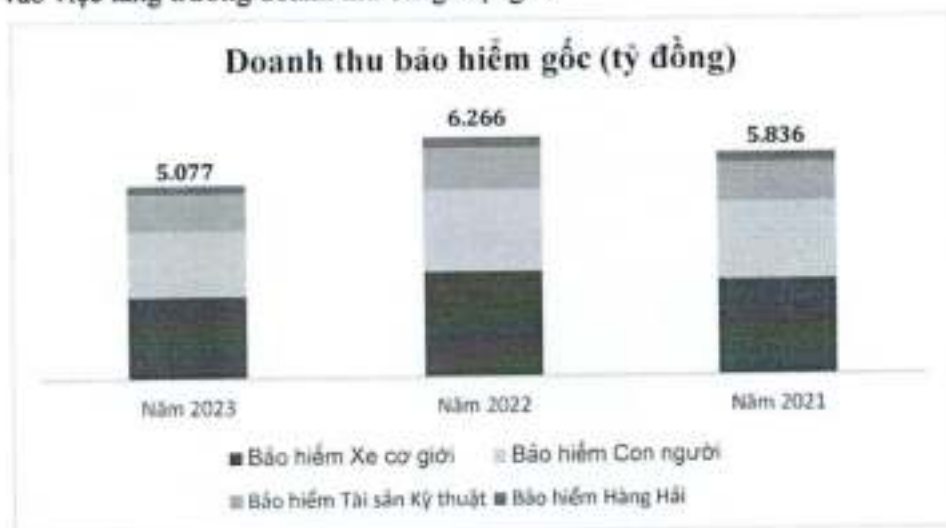
- Năm 2023 có thể nói là một năm hết sức khó khăn đối với thị trường bảo hiểm Việt Nam. Song, nhìn nhận ở góc độ tích cực có thể thấy những thay đổi đáng kể về quan điểm, chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là dấu hiệu của một cuộc "tự tái cơ cấu" để thị trường phát triển lành mạnh, bền vững hơn.
- Theo số liệu của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, tổng doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực phi nhân thọ ước đạt 71.064 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước; tuy nhiên nếu so sánh với số liệu các năm trước, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ cả năm 2022 tăng trưởng 17,5% so với năm 2021, cao hơn rất nhiều so với mức tăng trưởng của năm 2023.
- Một trong những sản phẩm chính của hầu hết các công ty bảo hiểm phi nhân thọ trên thị trường hiện nay là Bảo hiểm Xe cơ giới không có sự tăng trưởng về quy mô doanh thu, bao gồm cả bảo hiểm Xe cơ giới tự nguyện và Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới. Năm 2023, Bảo hiểm Xe cơ giới ước đạt doanh thu 17.754 tỷ đồng, giảm 1,9% so với năm 2022, tỷ lệ bồi thường 52,5%.
- Một dòng sản phẩm bảo hiểm lớn khác là Bảo hiểm Sức khỏe gần như không có sự biến động về Doanh thu, đạt 23.082 tỷ đồng, tăng 0,3% so với cùng kỳ.
- Điểm sáng trong năm 2023 thuộc về Bảo hiểm Tài sản thiệt hại với Doanh thu đạt 19.742 tỷ đồng, tăng trưởng 11,1% với năm 2022, bồi thường 3.838 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 19,4%.
- Năm 2023 cũng là năm thị trường bảo hiểm Việt Nam tiếp tục ghi nhận sự khó khăn trong công tác tái tục các hợp đồng tái bảo hiểm cố định khi ảnh hưởng của thiên tai tại Việt Nam dẫn đến những hành động cứng rắn của các nhà tái bảo hiểm quốc tế trong quá trình đàm phán hợp đồng.
- Nhìn chung, năm 2023 mặc dù còn gặp nhiều thách thức, nhưng thị trường bảo hiểm Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng ở nhiều chỉ tiêu, trong đó điểm nhấn là công tác hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường. Cùng với các yếu tố nền tảng vĩ mô, tiềm năng, lợi thế của Việt Nam, thị định hướng chiến lược và khung pháp lý mới tạo kỳ vọng lớn để thị trường bảo hiểm Việt Nam tạo được "cú huych" về quy mô, chất lượng phát triển trong năm 2024 và các năm tiếp theo.
- Thị phần bảo hiểm Top 5 Doanh nghiệp lớn nhất thị trường bảo hiểm phi nhân thọ:



Nguồn: Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam

➤ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PTI trong năm 2023:**

Hầu hết Doanh thu các nghiệp vụ bảo hiểm của PTI năm 2023 đều tăng trưởng âm so với năm 2022 do PTI chủ động đánh giá lại cơ cấu sản phẩm, áp dụng chính sách nghiệp vụ chặt chẽ và tập trung đẩy mạnh các dòng sản phẩm có hiệu quả với chi phí phân phối thấp thay vì chỉ tập trung vào việc tăng trưởng doanh thu bằng mọi giá.



Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc năm 2023 đạt 5.077 tỷ đồng, giảm 18,98% so với năm 2022 và giảm 13,01% so với năm 2021.

Trong đó:

- **Nghiệp vụ Bảo hiểm Xe cơ giới:** Giảm 22,53% so với cùng kỳ năm 2022 do các nguyên nhân như sau:
 - Tỷ lệ bồi thường vật chất xe năm 2022 của PTI là 66,8% (cao hơn tỷ lệ bồi thường mục tiêu 6%), PTI lỗ 165 tỷ. Năm 2023, PTI chủ động điều chỉnh phí bảo hiểm, tăng phí khoảng 10% so với 2022 và cao hơn thị trường 10% (trừ PVI, Bảo Việt). Đồng thời, PTI chủ động cắt giảm dòng xe có tỷ lệ bồi thường cao.
 - Tại thị trường Việt Nam, tổng doanh số ô tô năm 2023 giảm 25% so với cùng kỳ năm trước

nên doanh thu bảo hiểm phát sinh trên đơn xe mới giảm (theo số liệu thống kê của VAMA).

- Tổng doanh thu bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe máy của thị trường giảm 9,9%. Nguyên nhân do các thông tin báo chí đưa tin nhiều về vấn đề quỹ bồi thường TNDS xe máy, các chương trình ra quân kiểm tra giao thông và tuân thủ quy định bắt buộc có bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe máy từ công an giao thông không được triển khai nhiều... làm ý thức tham gia bảo hiểm TNDS xe máy của Khách hàng giảm xuống. Doanh thu nghiệp vụ Xe máy của PTI giảm 34,09% tương đương với giảm 92 tỷ đồng do doanh thu khai thác qua kênh VNPost và kênh thể giới di động giảm so với cùng kỳ năm trước từ chính việc cắt giảm nhân sự, cắt giảm cửa hàng của đối tác.
- **Nghiệp vụ bảo hiểm Con người:** Giảm 19,41% so với năm 2022, nguyên nhân chính như sau:
 - Nghiệp vụ Bảo an tín dụng giảm 45,60%, tương đương với giảm 193 tỷ đồng. PTI chủ động cắt giảm các sản phẩm không đem lại hiệu quả. Tác động của vấn đề kênh Bancassurance trên mảng nhân thọ làm ảnh hưởng lớn đến uy tín của khách hàng với ngân hàng và ảnh hưởng lan sang phi nhân thọ
 - ngừng bán sản phẩm Vững Tâm An (Doanh thu Vững Tâm An năm 2022 là 118 tỷ đồng).
 - Nghiệp vụ Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe truyền thống giảm 5%, tương đương với giảm 44 tỷ đồng. PTI siết chặt việc đánh giá khách hàng, chủ động kiểm soát để giảm tỉ lệ bồi thường qua kênh Môi giới.
 - Nghiệp vụ An sinh bưu điện giảm 39%, tương đương với giảm 29 tỷ đồng. Nguyên nhân do điều chỉnh sản phẩm.
- **Nghiệp vụ Bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật:** Giảm 9,57% so với năm 2022 nguyên nhân do:
 - Năm 2023 là 1 năm khó khăn chung với nền kinh tế Việt Nam, nhiều doanh nghiệp bị phá sản hoặc thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh dẫn đến giá trị tài sản giảm. Bên cạnh đó, việc khách hàng gặp khó khăn cũng là nguyên nhân dẫn đến cắt giảm các gói tham gia bảo hiểm tài sản kỹ thuật.
 - Đầu tư công chậm giải ngân, Bất động sản đóng băng, các dự án nhà ở, chung cư không xây dựng thêm nhiều.
 - Việc cạnh tranh về phí trên thị trường cũng là nguyên nhân khiến PTI chủ động không tái tục một số hợp đồng để đảm bảo tuân thủ các quy định về biểu phí của Bộ Tài chính và đảm bảo hiệu quả hoạt động.
- **Nghiệp vụ Bảo hiểm Hàng hải:** Giảm 16,94%, tương đương với giảm 43 tỷ đồng, trong đó nghiệp vụ hàng hóa giảm 20,1%, nghiệp vụ tàu giảm 12,8%. PTI thực hiện chính sách khai thác có chọn lọc, chủ động không tái tục một số khách hàng xấu, đặt tính hiệu quả của dịch vụ lên hàng đầu.

➤ **Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính**

• **Kết quả đầu tư năm 2023**

Chỉ tiêu	Năm 2022 (Tỷ đồng)	Năm 2023 (Tỷ đồng)	% Tăng/ giảm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	229,778	312,957	36,2%

Lãi mua bán trái phiếu, đầu tư dài hạn	78,036	135,530	73,7%
Lãi kinh doanh chứng khoán ngắn hạn	7,786	-	-
Lãi góp vốn đầu tư dài hạn (Công ty con, liên kết...)	0,099	1,777	1.696,3%
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	13,643	0,005	-100,0%
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8,110	9,952	22,7%
Các khoản khác	0,405	0,074	-81,6%
Tổng cộng	337,857	460,295	36,2%

Năm 2023 danh mục đầu tư của PTI tập trung vào các tài sản thanh khoản cao là Tiền gửi và trái phiếu – chiếm tỷ trọng trên 90% tổng danh mục với định hướng đầu tư “An toàn thận trọng và tận dụng cơ hội tối ưu hiệu quả”.

Mặc dù tổng nguồn vốn đầu tư giảm, doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 đạt 460,294 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2022 và cao nhất trong 5 năm gần đây, trong đó các khoản mục đầu tư có sự biến động doanh thu đáng kể trong năm 2023 gồm:

- Lãi tiền gửi có kì hạn: đạt 312,957 tỷ đồng, tăng 36,2% so với năm 2022. Dự báo chuẩn xác xu hướng giảm lãi suất, trong giai đoạn cuối 2022 và nửa đầu 2023, PTI phân bổ toàn bộ nguồn vốn vào tiền gửi kì hạn dài từ 12 tháng trở lên.
- Lãi đầu tư trái phiếu: đạt 135,530 tỷ đồng, tăng 73,7% so với năm 2022. Sang đến nửa sau 2023, PTI nhận định lãi suất huy động đã giảm sâu và thị trường trái phiếu đã có nhiều dấu hiệu phục hồi vượt qua giai đoạn tái cấu trúc và chuẩn hóa thị trường. Do đó, PTI thận trọng lựa chọn đầu tư vào trái phiếu phát hành bởi các tổ chức có uy tín và thanh khoản cao trên thị trường hoặc có bảo lãnh từ bên thứ ba. Nhờ vào đó, hoạt động đầu tư trái phiếu của PTI đạt lợi suất đầu tư cao hơn đáng kể so với tiền gửi.
- Lãi kinh doanh chứng khoán ngắn hạn: Trong năm 2023, PTI không phân bổ danh mục đầu tư vào cổ phiếu do nhận định thị trường chứng khoán vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro.
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: Trong năm 2023, PTI chuyển một phần bất động sản đầu tư sang sử dụng làm văn phòng, do đó doanh thu giảm so với năm 2022.

> Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Kế hoạch (Tỷ đồng)	Thực hiện 2023 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch
Doanh thu bảo hiểm gốc	5.730	5.077	88,6%
Lợi nhuận trước thuế	140	320	228,4%
Lợi nhuận sau thuế	112	253	225,8%
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2023 đạt 5.077 tỷ đồng, hoàn thành 88,6% kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 là 253 tỷ đồng, hoàn thành 225,8% kế hoạch (cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế của PTI là -347 tỷ đồng), lợi nhuận năm 2023 đạt được thắng lợi, vượt nhiều so với kế hoạch do của các nguyên nhân sau:

- Hoạt động đầu tư năm 2023 của PTI đạt kết quả ấn tượng: các hoạt động đầu tư tiền gửi, đầu tư trái phiếu đều mang lại hiệu quả tối ưu.
- Lợi nhuận đến từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, cụ thể: Chỉ tiêu lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2023 đạt 310,6 tỷ đồng, cùng kỳ năm trước chỉ tiêu này là (200,4) tỷ đồng.
- Năm 2023 chứng kiến việc chuyển mình của PTI trong công tác quản lý và định hướng kinh doanh mới: Các giải pháp nhằm kiểm soát và tối ưu hóa chi phí kinh doanh, chi phí quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty đã đem lại những kết quả tích cực góp phần tăng lợi nhuận.

➤ **Vị thế của PTI trên thị trường bảo hiểm:**

- Với mục tiêu chiến lược là kiện toàn về quản trị, kiện toàn về con người, không đặt ra bài toán tăng trưởng về doanh số trong giai đoạn này, PTI tạm thời đứng thứ 4 về thị phần trong tổng số các công ty bảo hiểm Phi nhân thọ trên thị trường năm 2023.
- Đầu năm 2024, PTI tiếp tục khẳng định vị thế và tiềm lực của mình khi lần thứ 5 liên tiếp được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính quốc tế A.M. Best (A.M.Best – là một trong những tổ chức xếp hạng tín nhiệm có uy tín trên thế giới, được Ủy ban Chứng khoán và Hối đoái Mỹ công nhận) xếp hạng tài chính mức B++ (Tốt), mức xếp hạng tín dụng dài hạn bbb. A.M.Best đặc biệt đánh giá cao PTI thông qua kênh phân phối đa dạng, mạng lưới bán hàng và chăm sóc khách hàng toàn diện.

1.2. Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	
				31/12/23 so 31/12/22	31/12/23 so 31/12/21
Tổng giá trị tài sản	8.564,760	8.374,903	8.218,792	-1,86%	-4,04%
Doanh thu thuần	4.963,702	5.152,967	4.878,341	-5,33%	-1,72%
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	1.772,332	2.262,282	2.187,728	-3,30%	23,44%
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.558,194	5.353,406	4.567,751	-14,68%	0,21%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	245,881	252,912	208,654	-17,50%	-15,14%

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	
				31/12/23 so 31/12/22	31/12/23 so 31/12/21
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	324,474	-344,675	311,671	-190,42%	-3,95%
Lợi nhuận khác	3,531	1,102	8,087	634,12%	129,06%
Lợi nhuận trước thuế	328,004	-343,574	319,758	-193,07%	-2,51%
Lợi nhuận sau thuế	257,483	-347,376	252,869	-172,79%	-1,79%
Combine Ratio	96,15%	110,36%	97,56%	-11,60%	1,47%
Tiền và tương đương tiền	152,509	239,723	704,507	193,88%	361,95%
Hàng tồn kho	1,861	1,525	570	-62,64%	-69,40%
Tài sản ngắn hạn	7.327,979	7.466,558	7.127,718	-4,54%	-2,73%
Tài sản dài hạn	1.236,781	908,326	1.091,074	20,12%	-11,78%
Tổng tài sản	8.564,760	8.374,885	8.218,792	-1,86%	-4,04%
Nợ ngắn hạn	6.378,842	6.558,210	6.151,978	-6,19%	-3,56%
Nợ dài hạn	5,694	5,132	2,540	-50,51%	-55,40%
Tổng nợ phải trả	6.384,537	6.563,342	6.154,518	-6,23%	-3,6%
Vốn chủ sở hữu	2.180,223	1.811,543	2.064,274	13,95%	-5,32%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	1,3415	1,2760	1,3354	4,66%	-0,45%
Hệ số khả năng thanh toán hiện hành	1,1488	1,1385	1,1586	1,77%	0,86%
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1,1485	1,1383	1,1585	1,78%	0,87%
Hệ số khả năng thanh toán tức thời	0,0239	0,0366	0,1145	213,30%	379,00%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,7454	0,7837	0,7488	-4,45%	0,45%
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2,9284	3,6231	2,9811	-17,72%	1,80%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	
				31/12/23 so 31/12/22	31/12/23 so 31/12/21
+ Vòng quay tổng tài Sản	0,6078	0,6084	0,5880	-3,36%	-3,27%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0519	(0,0674)	0,0518	-176,89%	-0,07%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,1226	(0,1740)	0,1305	-174,97%	6,45%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0315	(0,0410)	0,0305	-174,31%	-3,34%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,0654	(0,0669)	0,0639	-195,51%	-2,26%

- Tổng chi bồi thường bảo hiểm năm 2023 là 2.188 tỷ đồng, giảm 3,3% tương đương giảm 74 tỷ đồng so với năm 2022, điều đó cho thấy các biện pháp kiểm soát tỷ lệ bồi thường của PTI đã dần phát huy hiệu quả, đặc biệt là nghiệp vụ Xe cơ giới.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023 là 208 tỷ đồng, giảm 17,5% tương đương giảm 44 tỷ đồng so với năm 2022.
- Việc tối ưu hóa chi phí kinh doanh, chi phí quản lý, kiểm soát tốt tỷ lệ bồi thường đã làm cho tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2023 của PTI giảm đóng góp vào việc tăng lợi nhuận. Cụ thể tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2023 là 4.568 tỷ đồng, giảm 14,68% tương đương giảm 786 tỷ đồng so với năm 2022.
- Tỷ lệ chi phí kết hợp (Combine Ratio) giúp đánh giá khả năng tạo ra lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm (Tỷ lệ dưới 100% là có tạo ra lợi nhuận). Năm 2023, combine ratio của PTI là 97,56% giảm 11,6% so với năm 2022 (Năm 2022, combine ratio lớn hơn 100%). Việc combine ratio giảm mạnh so với năm trước là một tín hiệu đáng mừng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm của PTI, cho thấy mức độ đảm bảo an toàn tài chính của tổng công ty.
- Tính đến ngày 31/12/2023, tổng tài sản của PTI đạt hơn 8.219 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,86% so với thời điểm cuối năm 2022 và giảm 4,04% so với cuối năm 2021:
 - Tiền và tương đương tiền tại thời điểm cuối năm 2023 đạt 705 tỷ đồng, tăng 465 tỷ so với đầu năm, tương ứng với tỷ lệ tăng 193,9%. Các khoản tương đương tiền cuối năm 2023 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước do số lượng các hợp đồng tiền gửi có thời hạn dưới 3 tháng.
 - Tổng nợ phải trả của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 6.154 tỷ đồng, giảm 409 tỷ đồng so với đầu năm tương ứng với tỷ lệ giảm 6,23%. Nợ phải trả tại 31/12/2023 chủ yếu

là dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm số tiền: 4.705 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 76,5% tổng nợ phải trả).

- Hệ số thanh toán hiện hành, hệ số thanh toán nhanh của Tổng Công ty tại 31/12/2023 đảm bảo mức an toàn, tăng so với đầu năm lần lượt là 1,77% và 1,78%.
- Hệ số thanh toán tức thời tại 31/12/2023 đạt 11,45%, tăng mạnh so với thời điểm đầu năm do ảnh hưởng của các hợp đồng tiền gửi có thời hạn dưới 3 tháng.

Như vậy, Cơ cấu tài sản của Tổng Công ty luôn được duy trì ở mức ổn định và an toàn, thể hiện sự an toàn tài chính và cam kết của Tổng công ty luôn đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cổ đông và các đối tác khác.

1.3. Những hoạt động khác

- Năm 2023 đánh dấu một cột mốc đáng nhớ khi PTI tròn 25 năm tuổi. Hành trình phát triển 25 năm “Liên tục chuyển hóa” của PTI đã phải đối mặt với vô vàn khó khăn, tự nhìn nhận, khắc phục những điểm yếu và tồn đọng của chính mình để vươn lên và chinh phục những mục tiêu đề ra.
- Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính bảo hiểm, các sản phẩm của PTI không có tác động trực tiếp đáng kể đến môi trường trong quá trình vận hành. Tuy nhiên, PTI cũng hiểu rằng rất nhiều hành động có thể cần thực hiện hàng ngày để giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Do đó, PTI xác định mục tiêu quản trị cần thay đổi và trú trọng vào 03 vấn đề chính: Tuân thủ quy định quản lý, bảo vệ môi trường; Quản lý tác động môi trường; Lan tỏa tư duy về nếp sống xanh.

2. Định hướng hoạt động năm 2024

➤ Sản phẩm:

- Tiếp tục kiện toàn và chuẩn hóa bộ dữ liệu sản phẩm, phục vụ cho việc đánh giá, phân tích để xây dựng và triển khai sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách hàng mục tiêu.
- Cá nhân hóa sản phẩm và chương trình sản phẩm phù hợp với rủi ro và điều kiện tài chính của mỗi khách hàng, giúp khách hàng có đầy đủ sự lựa chọn khi tham gia sản phẩm/ dịch vụ của PTI.
- Nâng cao năng lực định phí sản phẩm thông qua việc hợp tác với các nhà tái bảo hiểm và đối tác uy tín trên thế giới.
- Tập trung phát triển các sản phẩm Micro, giúp nâng cao cơ hội tiếp cận các giải pháp bảo hiểm toàn diện tới mọi khách hàng.
- Xây dựng và nâng cấp hệ thống Giám định và cứu hộ xe cơ giới (SOS) để đảm bảo chất lượng dịch vụ khác biệt dành cho khách hàng khi tham gia bảo hiểm xe cơ giới tại PTI.
- Liên tục nâng cấp các hệ thống chăm sóc sức khỏe dành cho khách hàng theo hành trình trải nghiệm của mỗi cá nhân thông qua việc phát triển nền tảng PTICare của sản phẩm bảo hiểm Bảo An Sức Khỏe (Healthcare).

➤ Kênh bán:

- Tiếp tục mở rộng kênh phân phối thông qua việc phát triển đội ngũ đại lý cá nhân (iCA), các đối tác theo mô hình B2B2C để gia tăng cơ hội tiếp cận và đưa sản phẩm tới tay khách hàng.

- Đóng gói các chương trình bảo hiểm cụ thể, phù hợp với phân khúc khách hàng mục tiêu trên từng đối tác.

➤ **Hoạt động đầu tư tài chính năm 2024**

- Năm 2024, PTI tiếp tục phân bổ danh mục đầu tư chủ yếu vào các tài sản hưởng lãi suất cố định như tiền gửi Tổ chức tín dụng, trái phiếu Tổ chức tín dụng và trái phiếu doanh nghiệp. Bên cạnh đó, PTI tiếp tục nâng cao tính thận trọng khi không đầu tư vào các loại hình tài sản có nhiều rủi ro tiềm ẩn và tính ổn định về hiệu quả thấp như cổ phiếu, bất động sản.
- Theo đó, PTI định hướng giảm bớt tỷ trọng tiền gửi và gia tăng tỷ trọng trái phiếu Tổ chức tín dụng và trái phiếu doanh nghiệp để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn trong bối cảnh lãi suất tiền gửi giảm mạnh và có thể sẽ duy trì mức đáy trong năm 2024.
- Hoạt động đầu tư tại PTI luôn đảm bảo các nguyên tắc:
 - Tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư của công ty bảo hiểm phi nhân thọ;
 - Đảm bảo tính an toàn, tính thanh khoản và sự linh hoạt trong hoạt động đầu tư của Tổng công ty;
 - Đảm bảo mục tiêu phát triển dài hạn của Tổng Công ty, tối ưu hóa dòng tiền và lợi ích của cổ đông.

➤ **Định hướng hoạt động công nghệ năm 2024:**

- Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống vận hành bồi thường con người và xe.
- Xây dựng phân hệ kế toán.
- Xây dựng hệ thống cho vận hành nghiệp vụ.
- Tiếp tục hoàn thiện tích hợp các nền tảng back và các app mới.
- Tiếp tục phát triển nền tảng data với tích hợp dữ liệu và hoàn thiện phân hệ báo cáo.
- Tiếp tục chủ động các giải pháp AI cho hoạt động cấp đơn và bồi thường.
- Số hóa hoàn toàn hoạt động quản trị sản phẩm.
- Xây dựng DSB - nền tảng cho hoạt động bán hàng và chăm khách hàng.

3. Mục tiêu kinh doanh năm 2024:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	5.076,713	5.353,400
2	Lợi nhuận trước thuế	319,758	220,000
3	Lợi nhuận sau thuế	252,869	175,000
4	Tỷ lệ cổ tức	0%	0%

Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện. Ban Điều hành kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Thay mặt Ban Điều hành, tôi gửi lời cảm ơn đến các Quý cổ đông, kính chúc các Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

TM. BAN ĐIỀU HÀNH 

TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM
BƯU ĐIỆN
HÀ NỘI
Hoàng Thị Yến



Số: 33./2024/BC-BKS

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính thưa: - Các quý vị cổ đông
- Các quý vị Đại diện cổ đông
- Các quý vị đại biểu

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định hiện hành, Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông những nội dung chính như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát

Trong năm 2023, Ban kiểm soát duy trì số lượng 05 thành viên. Trong đó gồm 01 Trưởng ban và 04 kiểm soát viên. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 tại ngày 30/06/2023, HĐQT Tổng Công ty đã miễn nhiệm chức danh thành viên BKS đối với ông Bùi Văn Tới và ông Park Han Woong, đồng thời bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Hương Thảo và ông Ko Dong Gi làm thành viên BKS nhiệm kỳ 2020-2025 thay cho 02 thành viên bị miễn nhiệm.

2. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023

- Trong năm 2023, Ban kiểm soát của Tổng Công ty đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ và trao đổi kiện toàn cơ cấu tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát cũng như triển khai các nhiệm vụ công tác được giao..
- Xây dựng kế hoạch, chương trình giám sát, phân công nhiệm vụ cho các thành viên triển khai thực hiện và duy trì chế độ họp định kỳ theo quy định.
- Trực tiếp và phối hợp với các bộ phận chức năng của Tổng công ty, kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ, các nghị quyết của HĐQT, nghị quyết của HĐQT và các quyết định quản lý nội bộ của Tổng công ty.
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn, phát triển vốn và những rủi ro trọng yếu.
- Tham dự các phiên họp thường kỳ của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến về định hướng điều hành kinh doanh, quản lý tài chính và hoàn thiện các quy chế quản lý.
- Thường xuyên trao đổi, phối hợp với HĐQT, Ban điều hành trong việc theo dõi, tổ chức kiểm soát hoạt động của Tổng công ty và kịp thời thông báo với Ban điều hành những rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông và kiến nghị những giải pháp xử lý.
- Các thành viên của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và không cản trở tới việc hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2023 được trình bày cụ thể tại Tờ trình của HĐQT về thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và lương của Ban Điều hành. Theo đó, số tiền thù lao chi trả cho mỗi thành viên BKS là 4 triệu

đồng/người /tháng. Thủ lao trả cho các thành viên BKS được Tổng Công ty chi trả theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên, chi trả định kỳ hàng tháng.

- Đối với các giao dịch có liên quan của PTI: giao dịch giữa PTI với các bên liên quan được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục phê duyệt và được thực hiện theo các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty. Các giao dịch giữa Tổng Công ty với các Bên liên quan do HĐQT phê duyệt được thực hiện và công bố thông tin theo đúng quy định.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2023

1. Kết quả năm 2023

a. Thẩm định báo cáo tài chính

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ, hệ thống thông tin kế toán và lập sổ sách kế toán cơ bản được thực hiện phù hợp với quy định hiện hành. Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 được phân loại phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 28/12/2012; thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.
- Ban Kiểm soát đánh giá PTI đã thực hiện việc tổ chức hạch toán kế toán, mở sổ kế toán theo đúng các quy định. Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của PTI được lập đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty cũng như kết quả kinh doanh và hoạt động lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 28/12/2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của PTI đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.
- Xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty đến 31/12/2023.

b. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong báo cáo tài chính hợp nhất:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	NĂM 2022	NĂM 2023
I	Tổng tài sản	Tỷ đồng	8.374,885	8.218,792
1	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	7.466,558	7.127,718
2	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	908,326	1.091,074
3	Lợi thế thương mại	Tỷ đồng		-
II	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	8.374,885	8.218,792
1	Nợ phải trả	Tỷ đồng	6.563,342	6.154,518
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.811,543	2.064,274
3	Lợi ích cổ đông tối thiểu	Tỷ đồng		
III	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,14	1,16
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,14	1,16
IV	Cơ cấu nguồn vốn			

1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	78,4%	74,9%
2	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	21,6%	25,1%
V	Khả năng sinh lợi			
1	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-347,376	252,869
2	ROE(Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu)	%	-17,4%	13,05%
3	ROA(Tỷ suất LNST/ Tổng tài sản)	%	-4,1%	3,1%
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (không bao gồm quỹ khen thưởng, phúc lợi)	Đồng	(4.321)	3.144

c. Tình hình trích lập Quỹ đến ngày 31/12/2023:

Nội dung	Đơn vị tính	Số dư 01/01/2023	Thực hiện năm 2023		
			Phát sinh	Sử dụng	Số dư 31/12/2023
1. Quỹ dự phòng nghiệp vụ	Tỷ đồng	3.624,231			3.064,274
- Dự phòng phí	Tỷ đồng	2.618,897	-596,796		2.022,101
- Dự phòng bồi thường	Tỷ đồng	873,763	1,041		874,804
- Dự phòng dao động lớn	Tỷ đồng	131,571	35,798		167,369
2. Nguồn vốn và quỹ DN	Tỷ đồng	1.740,937			1.740,937
- Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	803,957			803,957
- Thặng dư vốn cổ phần	Tỷ đồng	827,943			827,943
- Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ đồng	28,642			28,642
- Quỹ dự trữ bắt buộc	Tỷ đồng	80,396			80,396

d. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	TH/KH (%)
1	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	Tỷ đồng	5.730,000	5.076,713	89%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	140,000	319,758	228%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	112,000	252,869	226%
4	Tỷ lệ cổ tức	%	0	0	

e. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu năm 2023 so với năm 2022:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Thực hiện 2022	Năm nay/ Năm trước (%)
I. Doanh thu	Tỷ đồng	5.170,798	5.328,531	97%
1. Doanh thu thuần KDBH	Tỷ đồng	4.878,341	5.152,967	95%
2. Doanh thu hoạt động TC	Tỷ đồng	271,718	156,031	174%
3. Thu nhập khác	Tỷ đồng	20,738	19,533	106%
II. Chi kinh doanh	Tỷ đồng	4.851,629	5.674,406	86%
1. Chi hoạt động BH	Tỷ đồng	4.567,751	5.353,406	85%
2. Chi hoạt động tài chính	Tỷ đồng	65,750	55,531	118%
3. Chi khác	Tỷ đồng	9,474	12,556	75%
4. Chi quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	208,654	252,912	83%
III. Lãi (lỗ) từ công ty liên kết	Tỷ đồng	0,590	2,301	26%
IV. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	319,758	-343,574	-93%

2. Kết quả công tác kiểm tra, giám sát năm 2023

a. Hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã tổ chức hoạt động theo đúng quy định điều lệ, luật doanh nghiệp. HĐQT đã tổ chức tổng cộng 04 cuộc họp định kỳ hàng quý và thực hiện ban hành các Nghị quyết đối với các vấn đề được thông qua và công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát đánh giá:

- Chiến lược được HĐQT hoạch định phù hợp với yêu cầu phát triển của Tổng Công ty trong các giai đoạn. HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tập trung kinh doanh, bám sát vào các định hướng chiến lược, xây dựng các chương trình hành động để triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm hoàn thành các mục tiêu và kế hoạch đã được ĐHCĐ giao trong điều kiện nền kinh tế có nhiều diễn biến phức tạp và sự thay đổi của các quy định, chính sách pháp luật.
- Các nghị quyết, quyết định trong năm 2023 của HĐQT đã bám sát mục tiêu phát triển bền vững mà ĐHCĐ đặt ra. Kiện toàn, xây dựng và ban hành các quy định nội bộ, phân cấp quản trị nội bộ đối với các hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị vận hành nghiệp vụ, hoạt động quản trị tổ chức, tạo điều kiện tốt cho ban điều hành thực thi nhiệm vụ.
- Các quy định nội bộ về hoạt động nghiệp vụ được rà soát và ban hành, đảm bảo có cơ chế kiểm soát, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh. Đảm bảo duy trì các chỉ tiêu về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động bảo hiểm, phù hợp với quy định của Bộ tài chính.
- Việc tổ chức họp HĐQT phù hợp với yêu cầu của các quy định hiện hành: về trình tự, điều kiện, nội dung, hình thức, tài liệu và thời gian họp.

b. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

- Năm 2023, các kết quả ban đầu của việc cải tổ chức, sắp xếp lại hệ thống của Tổng công ty từ năm 2022 đã bắt đầu thể hiện vào kết quả kinh doanh của năm 2023 với việc Tổng công ty đã

có kết quả kinh doanh ấn tượng, trong đó đóng góp lớn là chi phí kinh doanh bảo hiểm giảm đáng kể.

- Trong năm 2023, hoàn thiện Bản đồ chức năng nhiệm vụ (Function Map) của Tổng Công ty. Theo đó, hiện nay Tổng Công ty được chia làm 03 trực quản trị hoạt động chính gồm: Trực quản trị hoạt động kinh doanh (CMap), Trực quản trị hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm (Pmap) và Trực quản trị hoạt động quản trị Công ty (Gmap). Việc phối hợp, trao đổi giữa các trực quản trị hoạt động đã dần được triển khai mạch lạc, trơn tru hơn trong hệ thống. Qua đó, hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh trên toàn hệ thống.

c. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý

Hoạt động của ban điều hành về cơ bản đã tuân thủ điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Tổng Công ty. Chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp về cơ chế, thị trường, nhân sự, CNTT, khuyến mại, quản trị rủi ro... để thực hiện các chương trình lớn theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Kết quả thực hiện năm 2023:

- Hoàn thành 226% kế hoạch lợi nhuận của cả năm với lợi nhuận sau thuế đạt 253 tỷ đồng
- Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2023 là 4.568 tỷ đồng, giảm 14,68% tương đương giảm 786 tỷ đồng so với năm 2022
- Thị phần: giữ vị trí thứ 4 trong tổng số các công ty bảo hiểm phi nhân thọ trên thị trường. Doanh thu có giảm so với năm 2022 nhưng là phù hợp với chiến lược thu hẹp doanh thu phí bảo hiểm đối với các sản phẩm không mang lại hiệu quả cho Tổng công ty.
- Hoạt động đầu tư năm 2023 của PTI đạt kết quả ấn tượng: các hoạt động đầu tư tiền gửi, đầu tư trái phiếu đều mang lại hiệu quả tối ưu

Ban kiểm soát đánh giá Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai, kiện toàn các điều kiện kinh doanh, thích ứng nhanh với các thay đổi của PTI. Hoạt động kinh doanh tuy chưa đạt được doanh thu dự kiến đề ra, tuy nhiên, hiệu quả hoạt động và lợi nhuận đem lại rất tích cực. Đây cũng là tiền đề cho sự phát triển của PTI các năm sau.

d. Sự phối hợp của Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình đã được quy định theo luật doanh nghiệp, điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty. Cùng nhau phối hợp trong việc hoạch định, quản trị, điều hành, kiểm soát Tổng Công ty. Về sự phối hợp giữa Ban kiểm soát đánh giá đối với hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác như sau:

- Đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc, tại các cuộc họp HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát tham gia có ý kiến với những vấn đề được trình bày, để đưa ra những quyết định đem lại hiệu quả cao nhất cho Tổng công ty và các cổ đông
- Đối với các cán bộ quản lý khác: Trong quá trình làm việc, Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với bộ phận tài chính kế toán, kế hoạch và pháp chế - kiểm soát nội bộ để đảm bảo hoạt động quản lý của PTI đang diễn ra theo đúng pháp luật, đúng quy trình và định hướng của Nhà nước.

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng vì mục tiêu phát triển chung của Tổng Công ty và không cản trở hoạt động của HĐQT và ban điều hành.

III. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT, Ban điều hành một số nội dung như sau:

- Kiên định mục tiêu phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững;
- Đảm bảo thực hiện việc Tổng công ty có hiệu quả kinh doanh tốt bên cạnh yếu tố về giữ vững thị phần bảo hiểm;
- Đầu tư, đẩy nhanh tiến độ công nghệ hóa các sản phẩm, dịch vụ; xây dựng quy trình vận hành theo hướng tăng cường ứng dụng chuyển đổi số để đáp ứng yêu cầu mới của xu hướng kinh doanh, tối ưu chi phí của hoạt động vận hành và tăng năng lực hệ thống;
- Cá nhân hóa sản phẩm và chương trình sản phẩm phù hợp với rủi ro và điều kiện tài chính của mỗi khách hàng, giúp khách hàng có đầy đủ sự lựa chọn khi tham gia sản phẩm/ dịch vụ của PTI;
- Tiếp tục quản lý chi phí kinh doanh một cách chặt chẽ, hiệu quả đặc biệt là chi phí quản lý và bồi thường (cả về chi trả thực tế và phần trích lập dự phòng). Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác và bồi thường, nhanh chóng số hóa hoạt động cấp đơn và giám định bồi thường nhằm gia tăng trải nghiệm khách hàng và giảm thiểu trực lợi bảo hiểm, đảm bảo kiểm soát tỷ lệ chi tiêu Combane Ratio;
- Tăng cường công tác quản lý, xử lý công nợ đặc biệt là các khoản nợ xấu, nợ khó có khả năng thu hồi đã phát sinh từ những năm trước và hạn chế việc phát sinh các khoản nợ xấu mới.
- Kiên toàn, hoàn thiện hoạt động đầu tư để chuyên nghiệp hóa bộ phận này và đem lại nguồn lợi nhuận an toàn, ổn định cho PTI;
- Chỉ đạo triển khai các hoạt động quản trị tổ chức và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng khung năng lực,... Tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo, chuyên gia trong các hoạt động nghiệp vụ lõi của bảo hiểm phi nhân thọ.

Trên đây là toàn bộ báo cáo về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 cũng như những kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát cho năm 2024. Thay mặt Ban Kiểm soát, tôi xin trân trọng cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cũng như sự phối hợp của các ban, các đơn vị trong Tổng Công ty để Ban Kiểm soát thực hiện, hoàn thành tốt nhiệm vụ được cử đồng giao.

Kính chúc các Quý vị cổ đông và các quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Kính chúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện thành công tốt đẹp.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Hà Ninh



**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2020-2025**

Kính thưa: Quý Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện

Hội đồng quản trị ("HĐQT") Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét và thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát (BKS) của Tổng Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 như sau:

Hiện nay Tổng Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm của thành viên HĐQT/Ban kiểm soát vì lý do cá nhân. Bởi vậy, HĐQT Tổng Công ty kính trình ĐHCĐ biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS như sau:

- Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với:
 - Bà Vũ Nam Hương
 - Ông Jung Young
 - Ông Mai Xuân Dũng
- Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với:
 - Ông Lee Tae Hun
- Bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2020-2025.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS của Tổng Công ty nhiệm kỳ 2022-2025 để thay thế thành viên HĐQT/BKS đã có đơn từ nhiệm.

Số lượng thành viên HĐQT/BKS bầu bổ sung là bằng với số thành viên HĐQT/BKS được miễn nhiệm.

Các cổ đông, nhóm cổ đông đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty có quyền ứng cử/đề cử người để ĐHCĐ bầu bổ sung làm thành viên HĐQT/BKS. Ứng viên ứng cử/được đề cử để bầu bổ sung làm thành viên HĐQT/BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và bằng cách bỏ phiếu kín như được quy định tại Quy chế tổ chức họp ĐHCĐ và Điều lệ Tổng Công ty.

Thông tin về người ứng cử/được đề cử đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ mà Tổng Công ty đã nhận được đề cử/ứng cử tính đến ngày tổ chức họp ĐHCĐ được giới thiệu trong tài liệu họp ĐHCĐ để các cổ đông xem xét bỏ phiếu bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM
BƯU ĐIỆN
CÁI GIẤY - TP HÀ NỘI
PHẠM MINH HƯƠNG

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Kính thưa: Quý Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện

Căn cứ vào:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.

Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp ngày 29/04/2021. Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã có nhiều sự thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý cũng như thay đổi một số thông tin pháp lý như địa chỉ, thời hạn hoạt động, số điện thoại,... Theo đó, nhiều thông tin trong Điều lệ đã không còn phù hợp với thực tiễn hoạt động của Tổng Công ty, ảnh hưởng đến việc giao dịch và làm việc với các đối tác, Khách hàng.

Cùng với sự ra đời của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022 và Nghị định số 46/2023/NĐ-CP thay thế cho Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Nghị định 73/2016/NĐ-CP, một số quy định được dẫn chiếu đến các điều khoản trong Điều lệ đã không còn phù hợp.

Do đó, để đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng Công ty, phù hợp với sự thay đổi của quy định pháp luật, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Tổng Công ty đã tổ chức rà soát các nội dung cần sửa đổi, bổ sung và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty. Các nội dung liên quan đến các nhóm điều khoản được đề xuất sửa đổi, bổ sung được nêu tại Bản thuyết minh đính kèm tờ trình này.

Nội dung dự thảo toàn văn Điều lệ sau khi được sửa đổi bổ sung được đính kèm theo Tờ trình này. Nội dung dự thảo được xây dựng với giả định toàn bộ các nội dung xin trình sửa đổi, bổ sung đều được Đại hội đồng cổ đông thông qua



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ bằng cách bỏ phiếu biểu quyết đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung theo các nội dung trình thông qua như Bản thuyết minh được đính kèm tờ trình này. Điều lệ mới sẽ được hoàn thiện trên cơ sở các nội dung trình thông qua đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty sẽ thực hiện ký ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





THUYẾT MINH VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA ĐIỀU LỆ

Nội dung trình thông qua	Điều khoản liên quan	Nội dung tại Điều lệ hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm, gạch chân là phần bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Diễn giải lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>Nội dung 1: Sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại Điều lệ Tổng Công ty có nội dung liên quan thông tin thực tế hiện nay của Tổng Công ty: thời hạn hoạt động, địa chỉ trụ sở và các thông tin khác</p>	<p>Điều p Khoản 1 Điều 1</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: ... p) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua; ...</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: ... p) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua; ...</p>	<p>Sửa đổi quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 1 về Thời hạn hoạt động do Tổng Công ty đã được điều chỉnh thời hạn hoạt động thành vô thời hạn theo nội dung tại Giấy phép điều chỉnh số 41A/GPĐC30/KĐBH ngày 07/07/2021 của Bộ Tài chính cấp</p>
<p>Khoản 3 Điều 2</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty ... 3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là: o Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội o Điện thoại: 04.37724466 o Fax: 04.37724460 o E-mail: pioffice@ptl.com.vn o Website: www.ptl.com.vn ...</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty ... 3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là: o Địa chỉ: <u>Số 95 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội</u> o Điện thoại: 024.37724466 o Fax: 024.37724460 o E-mail: pioffice@ptl.com.vn Website: www.ptl.com.vn ...</p>	<p>Sửa đổi thông tin tại Khoản 3 Điều 2 về địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty theo đúng địa chỉ trụ sở hiện tại và theo công văn chấp thuận số 8093/BTC-QLBH ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính. Đồng thời sửa đổi lại đầu số điện thoại và fax đăng ký theo mã vùng hiện tại.</p>	

	Khoản 5 Điều 2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty ...	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty ...	Sửa đổi quy định tại Khoản 5 Điều 2 thời hạn hoạt động của Tổng Công ty về việc xóa bỏ quy định về trường hợp gia hạn hoạt động do thời hạn hoạt động của Tổng Công ty là vô thời hạn theo nội dung tại Giấy phép điều chỉnh số 41N/GPĐC30/KDBH ngày 07/07/2021 của Bộ Tài chính cấp.
	Điều 55	Điều 55. Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.	Điều 55. Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.	Xóa bỏ quy định Điều 55 về gia hạn hoạt động do hiện nay thời hạn hoạt động của PTT là không có thời hạn theo nội dung Giấy phép điều chỉnh số 41N/GPĐC30/KDBH ngày 07/07/2021 của Bộ Tài chính cấp.
Nội dung 2: Sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại Điều lệ Tổng Công ty có nội dung liên quan đến cổ phần, cổ	Khoản 1 Điều 7	Điều 7. Chương nhận cổ phiếu 1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. ...	Điều 7. Chương nhận cổ phiếu 1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ khi Tổng Công ty đã <u>niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán</u>	Bổ sung thêm quy định tại Khoản 1 Điều 7 và Khoản 3 Điều 7 về Chứng nhận cổ phần. Theo đó, bổ sung thêm quy định thể hiện về việc cổ phiếu của Tổng Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán
	Khoản 3 Điều 7	Điều 7. Chương nhận cổ phiếu	Điều 7. Chương nhận cổ phiếu	

<p>phiếu của Tổng Công ty</p>	<p>Điều 10</p>	<p>...</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>...</p> <p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p>	<p>...</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. <u>Quy định này không áp dụng trong trường hợp Tổng Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.</u></p> <p>...</p> <p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>7. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>8. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p>	<p>Xóa bỏ quy định tại Điều 10 về “Thu hồi cổ phần” do theo Điều lệ mẫu được quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều khoản này áp dụng đối với trường hợp đăng ký thành lập Doanh nghiệp. Thực tế, PTT là doanh nghiệp được thành lập từ năm 1998 nên quy định tại Điều này đã không còn phù hợp và có thể gây nhầm lẫn cho cổ đông/nhà đầu tư khi nghiên cứu Điều lệ của PTT.</p>
-----------------------------------	----------------	---	--	--

	<p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đang hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</p>	<p>9. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đang hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>10. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>11. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>12. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</p>	
--	--	---	--

<p>Nội dung 3: Sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại Điều lệ Tổng Công ty có nội liên quan đến quy định về Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty</p>	<p>Khoản 3 Điều 16</p>	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p>	<p>Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực <u>khí xảy ra một trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp Tổng Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại:</u></p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p>	<p>Bổ sung thêm quy định tại Khoản 3 Điều 16 về việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông của người được ủy quyền dự họp. Theo đó quy định rõ trường hợp Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền không có hiệu lực để đảm bảo việc ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của cổ đông ủy quyền cũng như để cụ thể, minh bạch trong việc kiểm phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>Nội dung 4: Sửa đổi, bổ sung các điều khoản tại Điều lệ Tổng Công ty có nội dung liên quan đến trích dẫn các văn bản đã hết</p>	<p>Điểm d Khoản 1 Điều 1</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>...</p> <p>d) Nghị định 73/2016/NĐ-CP là Nghị định số 73/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2016 quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>...</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>...</p> <p>d) Nghị định 73/2016/NĐ-CP là Nghị định số 73/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2016 quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;</p>	<p>Xóa bỏ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 do Nghị định 73/2016/NĐ-CP đã hết hiệu lực thi hành. Các quy định trong nội dung Điều lệ được đề xuất sửa đổi bổ sung sẽ điều chỉnh thành "quy định của pháp luật" để linh hoạt trong từng thời kỳ.</p>

<p>hiệu lực pháp luật</p>			<p>d) Nghị định 46/2023/NĐ-CP là Nghị định số 46/2023/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 01/07/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>...</p>	
	<p>Khoản 4 Điều 25</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều 27 Nghị định 73/2016/NĐ-CP và các quy định tiêu chuẩn cụ thể sau:</p> <p>...</p>	<p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều 27 Nghị định 73/2016/NĐ-CP Điều 81 Luật kinh doanh bảo hiểm và các quy định tiêu chuẩn cụ thể sau:</p> <p>...</p>	<p>Sửa đổi quy định tại Khoản 4 Điều 25 về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị. Theo đó, xóa bỏ quy định tham chiếu tới Điều 27 Nghị định 73/2016/NĐ-CP do Nghị định này đã hết hiệu lực và thay thế bằng tham chiếu sang quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022.</p>
	<p>Khoản 1 Điều 29</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải thực hiện thủ tục chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định 73/2016/NĐ-CP.</p> <p>...</p>	<p>Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải thực hiện thủ tục chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định 73/2016/NĐ-CP Điều 24 Nghị định 46/2023/NĐ-CP.</p> <p>...</p>	<p>Sửa đổi quy định tại Khoản 1 Điều 29 về Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Theo đó, xóa bỏ quy định tham chiếu tới Khoản 1 Điều 34 Nghị định 73/2016/NĐ-CP do Nghị định này đã hết hiệu lực và thay thế bằng thuật ngữ “ pháp luật có liên quan” để đảm bảo quy định tại Điều lệ phù hợp với thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam.</p>
	<p>Khoản 1 Điều 35</p>	<p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Tổng công ty phải thực hiện thủ tục chấp thuận của cơ quan Nhà nước có</p>	<p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Tổng công ty phải thực hiện thủ tục chấp thuận của cơ quan Nhà nước có</p>	<p>Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 35 về Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc. Theo đó, xóa bỏ quy định tham chiếu tới</p>

		thẩm quyền đối với việc bổ nhiệm Tổng giám đốc theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị định 73/2016/NĐ-CP.	thẩm quyền đối với việc bổ nhiệm Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 24 Nghị định 46/2023/NĐ-CP.	Nghị định 73/2016/NĐ-CP do nghị định này đã hết hiệu lực và thay thế bằng thuật ngữ "quy định pháp luật có liên quan".
Khoản 3 Điều 35	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc ... 3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, cụ thể: a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp; b) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 25 và Điều 28 Nghị định 73/2016/NĐ-CP. ...	Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc ... 3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, cụ thể: a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp; b) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 81 và Điều 82 Luật Kinh doanh bảo hiểm; b) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 25 và Điều 28 Nghị định 73/2016/NĐ-CP. ...	Sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 35 về tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám đốc. Theo đó, xóa bỏ quy định tham chiếu cụ thể tới quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định 73/2016/NĐ-CP do nghị định 73/2016/NĐ-CP đã hết hiệu lực và thuật ngữ "đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty" đã bao hàm các nội dung tham chiếu cụ thể nêu trên.	
Khoản 2 Điều 37	Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát ... 2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều 27 Nghị định	Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát ... 2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Khoản 1, khoản 5 Điều 81 Luật kinh doanh bảo hiểm, Điều 26	Sửa đổi Khoản 2 Điều 37 về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát. Theo đó, xóa bỏ quy định tham chiếu cụ thể tới quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều 27 Nghị định 73/2016/NĐ-CP do nghị định	

		73/2016/NĐ-CP và không thuộc các trường hợp sau: ...	<u>Nghị định 46/2023/NĐ-CP</u> - Điều 27 - Nghị định 73/2016/NĐ-CP và không thuộc các trường hợp sau: ...	73/2016/NĐ-CP đã hết hiệu lực và thay thế bằng thuật ngữ " <i>pháp luật có liên quan</i> " để đảm bảo quy định tại Điều lệ phù hợp với thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam.
Nội dung 5: Sửa đổi, bổ sung Phụ lục của Điều lệ Tổng Công ty	Phụ lục	Danh sách cổ đông sáng lập Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện	Xóa bỏ nội dung Phụ lục 01	Xóa bỏ nội dung phụ lục 01 của Điều lệ hiện hành quy định về Danh sách cổ đông sáng lập Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện do hiện nay hầu hết cả cổ đông sáng lập đều đã thoái hết vốn nên thông tin về các cổ đông sáng lập hiện nay đã không còn chính xác và đây là quy định không bắt buộc phải có trong Điều lệ Tổng Công ty
Nội dung 6: Sửa đổi, bổ sung các nội dung khác tại Điều lệ Tổng Công ty			Điều chỉnh lại ngày tháng thông qua Điều lệ, số của các Điều khoản, mục lục và những lỗi chính tả (nếu có) tại Điều lệ	Điều chỉnh lại ngày tháng thông qua Điều lệ, số của các Điều khoản, mục lục và những lỗi chính tả (nếu có) tại Điều lệ để phù hợp với nội dung sau khi thực hiện những sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua





PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CHI TRẢ THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TIỀN LƯƠNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Tổng số tiền thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2023 là 996.000.000 đồng. Trong đó, thù lao của mỗi thành viên HĐQT trong năm 2023 là 7.000.000 đồng/người/tháng và thù lao của mỗi thành viên BKS trong năm 2023 là 4 triệu/người/tháng. Tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc và các thành viên Ban Điều hành trong năm 2023 là 5.445.599.725 đồng.

2. Đối với năm tài chính 2024, tiền thù lao sẽ chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2024 là như sau: Số tiền thù lao chi trả cho mỗi thành viên HĐQT là 7 triệu đồng/người/tháng; Số tiền thù lao chi trả cho mỗi thành viên BKS là 4 triệu đồng/người/tháng.

Thù lao trả cho các thành viên HĐQT, BKS được Công ty chi trả theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên, chi trả định kỳ hàng tháng. Đối với số tiền thù lao từ đầu năm đến thời điểm chi trả gần nhất sẽ được cộng dồn và chi trả tại thời điểm chi trả gần nhất.

Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành trong năm 2024 sẽ được chi trả trên cơ sở hợp đồng lao động và căn cứ theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên.



PHỤ LỤC 3

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN THÔNG QUA

I. Phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu:

	Nội dung chính	Phương án phát hành
1.	Tên tổ chức phát hành	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện
2.	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện
3.	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
4.	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
5.	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	40.197.854 cổ phiếu
6.	Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	401.978.540.000 đồng
7.	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
8.	Phương thức phát hành	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền
9.	Tỷ lệ thực hiện	2:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền, 02 quyền được nhận phát hành thêm 01 cổ phiếu)
10.	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.
11.	Thời gian thực hiện	Trong năm 2024, sau khi được chấp thuận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
12.	Nguồn vốn thực hiện	Từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần; quỹ đầu tư phát triển; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Nguồn vốn thực hiện cụ thể sẽ do HĐQT quyết định.
13.	Xử lý cổ phiếu lẻ	Số cổ phiếu phát hành thêm cho mỗi cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Phần lẻ cổ phần (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 125 cổ phần, với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1 thì số cổ phần mà cổ đông được nhận là 62,5 cổ phần. Theo nguyên tắc làm tròn như trên, số cổ phần mới mà cổ đông A được nhận là 62 cổ phần. Số cổ phần lẻ (0,5 cổ phần) sẽ được hủy bỏ



Handwritten signature

II. Đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung

Toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm sẽ được đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty đang niêm yết cổ phiếu trong thời hạn mà pháp luật quy định.

III. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Ngoài các vấn đề ủy quyền cho Hội đồng quản trị được nêu cụ thể tại Phương án phát hành cổ phiếu trên đây, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị các nội dung sau đây:

- Quy định cụ thể phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung Phương án phát hành cổ phiếu theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu hoặc khi thấy cần thiết căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Quyết định thời điểm thực hiện việc phát hành cổ phiếu căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu huy động vốn và hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty;
- Tổ chức thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến việc: (i) Xin chấp thuận của cơ quan nhà nước về việc tăng vốn Điều lệ; (ii) thay đổi mức vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty; và (iii) triển khai các công việc và thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi/cập nhật Giấy phép thành lập và hoạt động theo vốn Điều lệ mới (nếu có); và (iv) đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; và (v) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu.



Handwritten signature



PHỤ LỤC 4

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

(Được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 24/4/2024)

[Handwritten signature]



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành
Hà Nội

Tel: 024 3 7724466 Fax: 024 3 7724460 Website: www.pti.com.vn



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

*(Sửa đổi lần thứ mười bốn, được Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2024)*

Hà Nội, năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY.....	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty.....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Thay đổi các quyền	16
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	21
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 27. Thủ lao thương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	30
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	31
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	33
Điều 31. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	33
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	34
Điều 33. Người điều hành Tổng công ty	34
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	35



IX. BAN KIỂM SOÁT	36
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	36
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát	36
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát.....	37
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	37
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	38
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	38
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	39
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	39
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	40
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	40
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	40
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	41
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	41
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	42
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	42
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	42
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	42
Điều 47. Năm tài chính	43
Điều 48. Chế độ kế toán.....	43
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	43
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	43
Điều 50. Báo cáo thường niên.....	44
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	44
Điều 51. Kiểm toán.....	44
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	44
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp.....	44
XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY	44
Điều 53. Giải thể Tổng Công ty.....	44
Điều 54. Thanh lý	45
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	45
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	45
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	46
Điều 56. Điều lệ Tổng Công ty	46
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	46
Điều 57. Ngày hiệu lực	46



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 04 năm 2024.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Nghị định 46/2023/NĐ-CP* là Nghị định số 46/2023/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 01/07/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;

e) *Nghị định 155/2020/NĐ-CP* là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

g) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

h) *Ngày thành lập* là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

i) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Tổng công ty theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;

k) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

l) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

n) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

o) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

p) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

q) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

s) "*Ngày*" có nghĩa là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ (nếu có) theo quy định của Pháp luật Việt Nam;

t) "*Ngày làm việc*" có nghĩa là tất cả các ngày theo dương lịch trừ thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ theo quy định của Pháp luật Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty

○ Tên tiếng Việt: Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện

○ Tên tiếng Anh: Post - Telecommunication Joint - Stock Insurance

Corporation

○ Tên giao dịch: Bảo hiểm Bưu điện

○ Tên viết tắt: PTI

2. Tổng công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

○ Địa chỉ: **Số 95 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**

○ Điện thoại: 024.37724466

- o Fax: 024.37724460
- o E-mail: ptioffice@pti.com.vn
- o Website: www.pti.com.vn

4. Tổng công ty có thể thành lập Công ty thành viên trực thuộc, Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Các Công ty thành viên trực thuộc, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổng công ty có con dấu riêng, hoạt động theo phân cấp của Tổng công ty và theo Điều lệ này, chịu trách nhiệm trước Tổng công ty và trước pháp luật.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 53. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Tổng công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là: Tổng giám đốc;
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ của Tổng công ty và quy định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:
 - Bảo hiểm phi nhân thọ;
 - Thực hiện các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật;
 - Kinh doanh các ngành nghề, dịch vụ khác mà pháp luật không cấm và Hội đồng Quản trị xét thấy có lợi nhất cho Tổng công ty.
2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là:
 - Không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Tổng công ty nhằm tối đa hóa các nguồn lợi nhuận có thể được của Tổng công ty và lợi ích của các cổ đông;
 - Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Tổng công ty;
 - Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này

phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là **803.957.090.000 VND** (*Tám trăm linh ba tỷ chín trăm năm mươi bảy triệu không trăm chín mươi ngàn đồng*). Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành **80.395.709** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được cơ quan có thẩm quyền cho phép trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, **trừ khi Tổng Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.**

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. **Quy định này không áp dụng trong trường hợp Tổng Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.**

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty, được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;

4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;

h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **[05%]** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và; phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [5%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ

phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo hướng dẫn của Tổng công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.

Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b) Thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

(i) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

(ii) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn:

(i) Ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại mục (i) điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

(ii) 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và, việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Tổng công ty.

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, các quy chế khác của Tổng công ty.

3. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực **khí xảy ra một trong các trường hợp sau đây**, trừ trường

hợp Tổng Công ty nhân được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty sẽ không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;



b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến cho Tổng công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50 % tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.



Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/NĐ-CP.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [75%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- e) Sửa đổi bổ sung điều lệ.

2. Các nghị quyết về nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [15 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông đại diện ít nhất [75%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;



e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- d) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có);

g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội

đồng cổ đồng biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 155 Luật doanh nghiệp, **Điều 81 Luật kinh doanh bảo hiểm** và các quy định tiêu chuẩn cụ thể sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tối đa 05 công ty khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 điều này còn phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

f) Thông qua các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hàng năm;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần

nhất của Tổng công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, việc quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

r) Ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty, Quy chế tài chính; Quy chế quản lý tài sản và kinh doanh tài chính; Quy chế phân cấp tổ chức - nhân sự; Quy chế quản lý rủi ro và các Quy chế nội bộ khác theo đề nghị của Tổng giám đốc;

s) Ủy quyền cho Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung thuộc quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị;

t) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

4. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty.

Điều 27. Thù lao thường và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Thù lao và thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị ngang bằng nhau, trừ của Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị và thực hiện theo Quy chế phân cấp Tổ chức - Nhân sự.

5. Thù lao trả cho thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 của Điều này đã bao gồm tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà Tổng công ty phải chi trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm nhưng không hạn chế bởi các chi phí phát sinh liên quan đến việc tới tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải thực hiện thủ tục chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định **tại Điều 24 Nghị định 46/2023/NĐ-CP**.

2. Hội đồng quản trị bầu trong các thành viên Hội đồng quản trị một hoặc nhiều Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các chức năng nhiệm vụ của mình. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của một công ty đại chúng.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó;
- g) Quyết định việc cung cấp thông tin trong phạm vi theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
- h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo ủy quyền của Hội đồng quản trị, theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

6. Trường hợp Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trình tự, thủ tục bầu người thay thế theo quy định tại khoản này được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.



7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Phó chủ tịch giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Có đơn từ chức của Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức, việc triệu tập họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.



6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo hướng dẫn cụ thể của Tổng công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các vấn đề khác. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 33. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác giữ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các quyền lợi khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và những người điều hành khác thực hiện theo Quy chế phân cấp Tổ chức - Nhân sự của Tổng công ty.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Tổng công ty phải thực hiện thủ tục chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với việc bổ nhiệm Tổng giám đốc theo quy định **tại Điều 24 Nghị định 46/2023/NĐ-CP.**

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, cụ thể:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp;

b) **Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 81 và Điều 82 Luật Kinh doanh bảo hiểm.**

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là từ ba (03) đến năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, **Khoản 1, khoản 5 Điều 81 Luật kinh doanh bảo hiểm, Điều 26 Nghị định 46/2023/NĐ-CP** và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyết định Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Tổng mức thù lao cho Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các thành viên Ban Kiểm soát được hưởng thù lao ngang bằng nhau ngoại trừ Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách không hưởng thù lao, chỉ hưởng lương và các lợi ích theo mục 2 Điều này. Mức thù lao này đã bao gồm tất cả các chi phí mà Tổng công ty phải trả cho từng thành viên Ban kiểm soát liên quan khi thực hiện trách nhiệm thành viên Ban kiểm soát, bao gồm nhưng không hạn chế bởi các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

2. Trưởng ban kiểm soát chuyên trách được hưởng lương và các lợi ích khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hợp đồng lao động đối với Trưởng ban kiểm soát chuyên trách được ký với Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

3. Tiền lương và các chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý và những người có liên quan đến thành viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, các cá nhân, tổ chức có liên quan đến đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được

báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của

Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

6. Thủ tục yêu cầu tra cứu sổ sách hồ sơ theo quy định tại điều này được thực hiện như sau:

a) Người yêu cầu phải có đề nghị bằng văn bản gửi đến Người phụ trách quản trị Tổng Công ty tại trụ sở chính Tổng công ty. Nội dung của văn bản đề nghị phải có thông tin cá nhân, tổ chức yêu cầu, nội dung thông tin, tài liệu, hồ sơ yêu cầu, mục đích sử dụng và cam kết chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin được cung cấp;

b) Tổng công ty sẽ thực hiện cung cấp thông tin phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và các Quy chế khác của Tổng Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (1) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai (12) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai (12) ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính Tổng công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 53. Giải thể Tổng Công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ của Tổng công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Tổng công ty;

đ) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Tổng công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu luật sư hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ Tổng Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương 57 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này thay thế cho: Bản Điều lệ sửa đổi lần thứ 13 được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2021;

2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau, được lưu giữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Họ tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 
TỔNG GIÁM ĐỐC

